TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thông.

Bà Lương Thị Bảo Thuỳ.

Thư ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 634/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1990.

- *Bị đơn:* anh Trần Bá T, sinh năm 1989.

Cùng nơi cư trú: Khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh ĐN.

(các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chi Nguyễn Thị Ph trình bày:

Nguyên đơn và anh Trần Bá T tự nguyện kết hôn vào năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân phường X, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh ĐN. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau đánh đập nhau, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu. Nguyên đơn đã làm đơn ly hôn tại Toà án vào năm 2018 nhưng được Toà án hoà giải đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên sau đó anh T vẫn không thay đổi. Sự việc mâu thuẫn trầm trọng đến mức hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Bá T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/5/2012, cháu Trần Nguyễn Gia Th, sinh ngày 19/12/2014 và cháu Trần Nguyễn

Gia N, sinh ngày 29/02/2020. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng tất cả con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2023, bị đơn anh Trần Bá T trình bày:

Bị đơn có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Ph vào năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân phường X, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh ĐN. Vợ chồng có 03 người con là các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/5/2012, cháu Trần Nguyễn Gia Th, sinh ngày 19/12/2014 và cháu Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 29/02/2020. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2022 đến nay. Bị đơn đồng ý ly hôn vì thấy cuộc sống chung không có thể kéo dài nhưng bị đơn không đồng ý hoà giải thuận tình ly hôn. Về con chung: Bị đơn đồng ý giao tất cả con chung cho nguyên đơn quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn giải quyết Tòa án đã không đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chị Ph và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 theo quy định tại UBND phường Xuân An. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm lẫn nhau, không sống chung với nhau từ tháng 7/2022 đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào Điều 21 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 91 Luật HNGĐ năm 2000, Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý việc ly hôn giữa Chị Ph và anh T.

* Về con chung: Căn cứ Điều 92 Luật HNGĐ 2000, Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014, căn cứ vào ý kiến ghi nhận nguyện vọng của cháu Gia Hưng, Gia Thiện, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh năm 2012; Trần Nguyễn Gia Th, sinh năm 2014; Trần Nguyễn Gia N, sinh năm 2020 cho Chị Ph nuôi dưỡng, Chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Ph, anh T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Chị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Bá T. Do anh T có địa chỉ cư trú hiện nay tại phường Xuân Hoà, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thi Phượng và anh Trần Bá T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Chị Ph và anh T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Theo Chị Ph nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên say xỉn, gây gổ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, đánh nhau. Nguyên đơn đã làm đơn ly hôn tại Toà án vào năm 2018 nhưng được Toà án hoà giải đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên sau đó anh T vẫn không thay đổi. Sự việc mâu thuẫn trầm trọng đến mức hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã và đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Anh T đồng ý ly hôn vì thấy cuộc sống chung không có thể kéo dài nhưng không đồng ý thuận tình ly hôn.

Như vậy, có thể xác định quan hệ hôn nhân của anh T và Chị Ph đã mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị Ph yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị Ph có yêu cầu được nuôi con chung là các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/5/2012, cháu Trần Nguyễn Gia Th, sinh ngày 19/12/2014 và cháu Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 29/02/2020. Xét yêu cầu này nhận thấy: từ khi ly thân đến nay các cháu ở với Chị Ph, bản thân anh T cũng đồng ý giao các con cho Chị Ph nuôi nên chấp nhận yêu cầu này của Chị Ph, giao các cháu H, Th và N cho Chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Do Chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát vế đường lối giải quyết án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ph.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Trần Bá T.

- *Về con chung*: Giao các cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/5/2012, cháu Trần Nguyễn Gia Th, sinh ngày 19/12/2014 và cháu Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 29/02/2020 cho chi Nguyễn Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời Chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, Chị Ph, anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006187 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị Ph đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Vân Khánh

[6] Về chi phí tố tụng: ngày 27/9/2018 nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.000.000 đồng tại Tòa án, nộp 3.000.000 đồng tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh. Ngày 09/7/2019 nguyên đơn nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (lần 2) số tiền 5.000.000 đồng. Tòa án đã trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.005.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nguyên đơn đã nộp là: 11.195.000 đồng.

Ngày 03/7/2019 bị đơn (do bà Nguyễn Thị Kim Trang nộp thay) nộp số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Tòa án đã trả cho bị đơn 200.000 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn đã nộp là 4.800.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Tuy nhiên, do bị đơn không yêu cầu hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên không đặt ra xem xét. Các đương sự đã nộp xong.